

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐỊA ỐC BÌNH CHÁNH

Căn cứ :

- Luật doanh nghiệp được kỳ họp thứ 8 Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006.
- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 05/01/2007 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty cổ phần.

Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103007894 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2007. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh thông qua vào ngày 01/08/2007, đã nhất trí thông qua nội dung của bản điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản điều lệ.

Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty, nội dung gồm 09 chương 60 điều ghi dưới đây.

CHƯƠNG I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công Ty và hình thức hoạt động :

1. Tên Công Ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐỊA ỐC BÌNH CHÁNH**

Gọi tắt là : **BC RES JSC.**

Tên tiếng anh: **BINHCHANH REAL ESTATE AND TRADING**

JOINT STOCK COMPANY

2. Hình thức: Công ty Cổ Phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Điều 2: Trụ sở, địa bàn hoạt động:

- Trụ sở chính của Công ty: 270 -272 đường Lãn Bình Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa bàn hoạt động: các Tỉnh, Thành phố trong phạm vi cả nước và nước ngoài, khi cần thiết Công ty sẽ mở thêm các Chi nhánh, văn phòng giao dịch ở một số nơi trong nước để phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công Ty, do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp luật pháp hiện hành.

Điều 3: Tư cách pháp nhân:

Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh :

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của luật pháp Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của luật pháp.
- Có điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của luật doanh nghiệp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty:

Sản xuất, thu mua, chế biến nông lâm thủy hải sản, lông vũ, đồ gỗ, lương thực, thủ công mỹ nghệ, công nghệ thực phẩm để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, kiều hối, du lịch. San lấp mặt bằng. Mua bán vật liệu xây dựng. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình công cộng. Mua bán phương tiện giao thông vận tải. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu dân cư. Cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không thực hiện đối với nhà được nhà nước chuyển giao). Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý

bất động sản. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu thể dục thể thao. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Trồng cây hàng năm (lúa, ngô, mía, đậu các loại, hoa cây cảnh). Trồng cây lâu năm (cây cao su, cây tiêu, cây điều, cây chè, cây cà phê, trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ), khai thác gỗ. Bán buôn, bán lẻ thức uống có cồn.

Điều 5 : Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần là 50 năm (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cấp có thẩm quyền). Việc chấm dứt thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo các điều tại chương 8 Luật doanh nghiệp.

Điều 6 : Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công Ty:

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng luật pháp.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty là Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).
- HĐQT bầu Hội đồng Quản trị (HĐQT) để quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị điều hành Công ty.
- Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 7 : Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác:

Các tổ chức: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế sản xuất - kinh doanh và phát triển Công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG TY

MỤC I : QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY:

Điều 8: Quyền tự chủ quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty:

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao quyền sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
4. Đặt chi nhánh, văn phòng giao dịch của Công ty ở trong nước theo quy định của Nhà nước.
5. Kinh doanh những ngành nghề được Nhà nước cho phép, mở rộng quy mô theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định hiện hành của luật pháp.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ kinh doanh của Công ty.
8. Được quyền bảo hộ và quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của luật pháp Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.

10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động hoặc cho thôi việc theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của luật pháp, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
11. Lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở năng lực thực tế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ theo thẩm quyền và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của luật pháp.
12. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác ở nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định quản lý của Nhà nước.
13. Các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 9: Quyền quản lý tài chính của Công ty:

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn. Kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa.
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không cần dùng hoặc chưa dùng hết công suất.
3. Phát hành, chuyển nhượng, bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của luật pháp để tăng vốn, được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty ở các ngân hàng tại Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của luật pháp.
4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đối với Nhà nước và nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

MỤC 2: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty:

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. Chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và luật pháp về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do Công ty thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động, tham gia quản lý Công ty bằng Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác.
5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của luật pháp, tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty :

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ. Hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do luật pháp quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
3. Thực hiện các khoản phải thu, các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập.
4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.
5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của luật pháp.
6. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.
7. Công ty có trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro đối với tài sản do Công ty quản lý tại các Công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

CHƯƠNG III
QUY ĐỊNH VỀ VỐN - CỔ PHẦN
GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỀ VỐN :

Điều 12: Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ, hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là 10.000.000.000 đồng. Đến 31/12/2008 vốn điều lệ Công ty được nâng lên 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) và được Sở Kế Hoạch Đầu Tư cấp giấy phép đăng ký kinh doanh công nhận. Đến ngày 31/12/2009 vốn điều lệ Công ty được nâng lên 84.000.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỷ đồng). Đến 31/12/2010 vốn điều lệ Công ty được nâng lên 158.400.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ bốn trăm triệu đồng).
3. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các mục đích:
 - Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng, mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về hàng hóa, động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác nhưng không trái pháp luật).

Điều 13: Các vốn khác:

1. Vốn huy động: Công ty được phép huy động vốn từ bên ngoài bằng phương thức phát hành các chứng chỉ có giá (trái phiếu ...) sau khi đủ điều kiện và được các cơ quan có thẩm quyền cho phép. Công ty được quyền sử dụng vốn này vào mục đích sản xuất kinh doanh và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi.

2. **Vốn đi vay:** Công ty được vay vốn Ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các cá nhân trong và ngoài nước, cán bộ công nhân viên để phục vụ cho sản xuất kinh doanh theo quy định luật pháp hiện hành.
3. **Vốn tích lũy:** vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài theo luật định.
4. **Vốn tiếp nhận và các loại vốn khác:** Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân, pháp nhân ở trong nước, ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.

MỤC 2: CỔ PHẦN – GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN :

Điều 14: Cổ phần:

1. Vốn điều lệ Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam. Các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
2. Toàn bộ cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 15: Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần :

1. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là sổ chứng nhận cổ đông và phải có chữ ký của Chủ Tịch Hội đồng quản trị, được đóng dấu của Công ty. Sổ chứng nhận cổ đông phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.
2. Nếu sổ chứng nhận cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị huỷ hoại thì Công ty sẽ cấp Sổ chứng nhận cổ đông mới, ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là phải gửi cho Công ty sổ chứng nhận cổ đông cũ hoặc phải tuân thủ các điều kiện chứng minh Sổ chứng nhận cổ đông cũ bị mất hoặc bị huỷ hoại, người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.

Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần:

1. Cổ phần phổ thông của các cổ đông được tự do chuyển nhượng sau khi được phát hành. Thành viên HĐQT phải nắm giữ 100% số cổ phần do mình sở hữu trong thời gian sáu tháng kể từ ngày Công ty thành lập và 50% số cổ phần này trong thời gian sáu tháng tiếp theo.
2. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với quy định của luật doanh nghiệp), việc chuyển nhượng cổ phần có thể được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo hình thức khác mà HĐQT chấp nhận.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ được thực hiện sau khi được sự chấp thuận bằng văn bản của HĐQT trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét quyết định việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, HĐQT thông báo rõ lý do cho các cổ đông.
4. Trong thời gian thực hiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần, nếu diễn ra ĐHĐCĐ, thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật doanh nghiệp.
5. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này.
6. Các quy định khác về chào bán và chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật doanh nghiệp.

Điều 17: Thừa kế cổ phần:

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất cụ thể như sau:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 18: Phát hành cổ phần:

1. Việc phát hành thêm cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
2. Cổ phần phát hành thêm phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị pháp lý và phải được đăng ký vào sổ danh sách cổ đông, sổ theo dõi.
3. Phát hành cổ phần: Theo phương thức bán đấu giá, công khai về thời gian, địa điểm, hình thức bán, điều kiện tham gia, số cổ phần dự kiến bán và các vấn đề khác có liên quan đến việc bán cổ phần.

MỤC 3 : CỔ ĐÔNG

Điều 19 : Quy định chung về cổ đông:

1. Cổ đông sáng lập của Công ty là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ của Công ty cổ phần.
2. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
3. Cổ đông nhà nước: nhà nước thực hiện quyền sở hữu cổ phần thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của nhà nước. Ngoài các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, người trực tiếp quản lý phần vốn góp của nhà nước còn có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
4. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
5. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
 - a) Cổ đông là pháp nhân có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.
 - b) Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần. Việc ủy quyền nêu

trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản và báo cáo trực tiếp HĐQT của Công ty cổ phần.

- c) Các cổ đông có thể tụ nhóm lại để đề cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
- d) Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc xác nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo luật pháp hiện hành. Trường hợp cổ đông là pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 20: Quyền lợi của cổ đông :

Các cổ đông trong Công ty có các quyền lợi sau:

1. Được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu.
3. Được mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
4. Đề cử hoặc ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo các quy định sau đây:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 2% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục, ít nhất sáu tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: Từ 2% đến 10% được cử một người, từ trên 10% đến 20% được cử hai người, từ trên 20% đến 30% được cử ba người, từ trên 30% đến 50% được cử bốn người, từ trên 50% được cử năm người.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 2% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục, ít nhất sáu tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào Ban Kiểm soát của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: Từ 2% đến 10% được cử một người, từ trên

10% đến 20% được cử hai người, từ trên 20% đến 30% được cử ba người, từ trên 30% đến 50% được cử bốn người, từ trên 50% được cử năm người.

5. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, được quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu. Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, kiểm soát viên và Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần tại các Đại hội đồng cổ đông.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 10% tổng số vốn cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý, hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
 - Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính.
 - Có dấu hiệu thất bại trong kinh doanh.
 - Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát có dấu hiệu tham nhũng hoặc có ý gây thiệt hại cho Công ty.
7. Được thông tin thường kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật Marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh, bí quyết công nghệ.
8. Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi Công ty giải thể, hoặc phá sản theo tỉ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.
9. Việc sửa đổi điều lệ của Công ty cổ phần làm thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động của Công ty cổ phần phải được cổ đông đại diện cho ít nhất 75% vốn điều lệ nhất trí.
10. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông:

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.
2. Chấp hành tốt điều lệ của Công ty cổ phần.
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty tại các

Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng văn bản giữa hai kỳ đại hội (không chấp nhận các văn bản nặc danh).

4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC- QUẢN TRỊ – ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG :

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) :

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm ĐHCĐ thành lập, ĐHCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường.
2. Các ĐHCĐ phải có đầy đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các điều 23, 24, 25 của bản điều lệ này.
3. Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp, đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì phải triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông thành lập :

1. Thành phần tham gia ĐHCĐ là tất cả các cổ đông.

2. ĐHĐCĐ thành lập có nhiệm vụ:

- Thảo luận và thông qua điều lệ.
- Bầu HĐQT và ban kiểm soát.
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Một số vấn đề khác.

Điều 24: Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ thường niên:
 - a) Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo của các kiểm soát viên.
 - b) Thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.
 - c) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.
 - d) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu.
 - e) Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán Trưởng, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty.
 - f) Bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và Kiểm soát viên theo quy định của điều lệ.
 - g) Thông qua mức thù lao và các quyền lợi của HĐQT và Kiểm soát viên.
 - h) Thông qua điều lệ bổ sung sửa đổi (nếu cần).
 - i) Quyết định việc thành lập hay giải thể các đơn vị trực thuộc: các chi nhánh, văn phòng giao dịch, trạm, cửa hàng...
 - j) Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến Công ty.

Điều 25: Đại hội đồng cổ đông bất thường:

1. Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:

Trong trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, có tính chất khẩn cấp, ảnh hưởng lớn đến tổ chức hoạt động của Công ty, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
 - Theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại khoản 6 điều 20.
 - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bất thường:
- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường và các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng.
 - Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, kiểm soát viên vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho công ty hoặc bị khuyết số lượng quá tỷ lệ quy định tại điều lệ này.
 - Giải thể chi nhánh, văn phòng giao dịch và thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.
 - Biểu quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ.
 - Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 26: Thể thức triệu tập và tiến hành các đại hội đồng cổ đông:

1. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng thư cho các cổ đông có cổ phiếu ghi danh trước bảy ngày làm việc và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải kèm theo chương trình nghị sự và địa điểm họp đại hội.
2. Những cổ đông không đến dự đại hội được phép ủy quyền cho đại diện thay thế. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
3. Đại hội thường niên hoặc đại hội bất thường do chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ Tịch HĐQT hoặc một ủy viên HĐQT làm chủ tọa. Đại hội thành lập thì sáng lập viên đại diện Nhà nước trong Công ty làm chủ tọa. Đại hội bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập thì kiểm soát viên trưởng làm chủ tọa.
4. Đại hội bầu thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
5. Biên bản ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản có chữ ký của chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT hoặc kiểm soát viên trưởng mới có giá trị.

Điều 27: Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:

1. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử, ứng cử tại ĐHĐCĐ với tư cách cá nhân.
2. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
3. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc đại hội.
4. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT.

Điều 28: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng biên bản tại các phiên họp hoặc bằng cách hỏi ý kiến thông qua thư tín:

1. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:
 - a) Biểu quyết đại hội phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.
 - b) Giá trị biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện.
 - c) Nghị quyết của ĐHĐCĐ có giá trị khi được số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho hơn 65% vốn điều lệ của Công ty nhất trí.
 - d) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức, giải thể Công ty, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông bằng thư tín:

Trường hợp thông qua thư tín hoặc Fax, thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phải tiến hành các công việc sau:

- Quyết định các danh mục vấn đề cần hỏi ý kiến.

- Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự đại hội cổ đông.
 - Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung hỏi ý kiến đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày.
3. Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29: Hội đồng quản trị :

1. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có tối đa 7 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm thành viên của HĐQT được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần bằng nguyên tắc bầu dồn phiếu.
3. HĐQT bầu và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết cử Chủ tịch HĐQT.
4. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ tịch và một Ủy viên có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày. Giúp việc cho HĐQT có một thư ký.

Điều 30: Điều kiện ứng cử thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Là cổ đông cá nhân hoặc 1 người đại diện cho cổ đông pháp nhân sở hữu ít nhất 2% tổng số cổ phần hoặc người khác có trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định ở điều 13 Luật doanh nghiệp.

Điều 31: Chủ tịch hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.
2. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho một ủy viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản trị công ty.
3. Mọi ủy quyền của Chủ tịch HĐQT đối với người được ủy quyền thực hiện bằng văn bản, Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó.

Điều 32: Nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị:

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 5 năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.
2. Việc thay thế thành viên HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa đảm bảo trong HĐQT mới có ít nhất 2 thành viên cũ.
3. Trong nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông có thể bãi nhiệm hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ.

Điều 33: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

1. HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Quản trị công ty theo điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật.
 - b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - + Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc.
 - + Kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn và kế hoạch huy động vốn của công ty.
 - + Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
 - + Chương trình thực hiện các đề án cụ thể và quan hệ Quốc tế.
 - c) Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo kế hoạch sản xuất – kinh doanh, tài chính và đầu tư hàng năm.
 - d) Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia lợi tức cổ phần và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, Giám Đốc điều hành của Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy nhân sự của các đơn vị trực thuộc.
 - f) Chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát việc điều hành hoạt động của Tổng Giám Đốc và các chức danh do HĐQT trực tiếp quản lý.
 - g) Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi điều lệ công ty.

- h) Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường kỳ và bất thường.
 - i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán Trưởng, Giám Đốc điều hành và các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT.
 - j) Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng Giám Đốc.
 - k) Quyết định về quy chế tuyển dụng, đào tạo, tiền lương, tài chính, phụ cấp trách nhiệm, cho thôi việc nhân viên của công ty phù hợp với quy định của luật pháp. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của HĐQT và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
 - l) HĐQT quyết định đầu tư các dự án phát sinh có giá trị không vượt quá 50% tổng giá trị tài sản ghi trên sổ sách tại thời điểm và báo cáo cho ĐHĐCĐ gần nhất, được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua ĐHĐCĐ.
3. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.
 4. HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám Đốc nếu xét thấy trái luật pháp, vi phạm điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định của HĐQT.
 5. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho công ty.
 6. Xem xét và ủy quyền cho Tổng Giám Đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
 7. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định của điều lệ.

Điều 34: Sau ĐHĐCĐ thành lập, những người được bầu vào các chức danh HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao ngay toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của công ty và các công việc còn lại của Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp, HĐQT hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.

Điều 35: Hoạt động của HĐQT:

1. HĐQT họp thường kỳ mỗi tháng một lần.
2. Trường hợp cần thiết HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:
 - Chủ tịch HĐQT.
 - Ít nhất 2/3 số thành viên của HĐQT.
 - Trưởng ban kiểm soát.
 - Tổng Giám đốc.

3. Các hình thức khi thông qua quyết định của HĐQT:

HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả thành viên HĐQT, hoặc hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua Fax.

a) Quyết định của HĐQT tại cuộc họp:

- Cuộc họp của HĐQT họp lệ khi triệu tập lần thứ nhất phải có ít nhất 4 thành viên của HĐQT, triệu tập lần thứ hai phải có ít nhất 3 thành viên của HĐQT.
- Quyết định của HĐQT được thông qua theo đa số phiếu của thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.

b) Quyết định của HĐQT bằng cách hỏi ý kiến: thể thức thông qua quyết định của HĐQT bằng cách hỏi ý kiến được thực thi theo điều 28 của bản điều lệ này.

4. Mọi nghị quyết của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi biên bản và phải được mọi thành viên tham dự thông qua với đầy đủ chữ ký.

Điều 36: Trường hợp mất tư cách thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở.
- Vi phạm điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Công ty cổ phần bị giải thể theo quyết định của Tòa án.

Điều 37: Trường hợp khuyết thành viên HĐQT:

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến đại hội gần nhất.
3. Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp thì triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.
4. Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

Điều 38: Phân công trách nhiệm và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT:

1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện cho công ty trước luật pháp, có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - Triệu tập các phiên họp của HĐQT.
 - Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của công ty.
 - Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
2. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác trừ trường hợp bất khả kháng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT bằng văn bản.

Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:

- a)- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động SXKD của công ty trong từng thời kỳ.
- b)- Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- c)- Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những hành vi của mình.
- d)- Thực hiện điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công của HĐQT.

Điều 39: Quyền lợi của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
2. Mọi chi phí của HĐQT được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

MỤC 3 : BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC:

Điều 40: Tổng Giám Đốc:

1. Tổng Giám Đốc là người đại diện pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch.
2. Tổng Giám Đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông.
3. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty.
4. Giúp việc cho Tổng Giám Đốc có các Phó Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám Đốc.
5. Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc không kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo các tổ chức kinh tế khác.

Điều 41: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám Đốc:

Tổng Giám Đốc Công ty là người có đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ quản lý kinh doanh sản xuất thuộc các ngành kinh tế, thương mại, Địa ốc, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành, có đủ kiến thức và kinh nghiệm lãnh đạo quản lý công ty, hiểu biết luật pháp.
2. Không thuộc các đối tượng được quy định tại Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 42: Chức năng và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc:

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, điều lệ công ty và tuân thủ luật pháp.
2. Bảo toàn và phát triển vốn theo phương án SXKD đã được HĐQT phê duyệt và thông qua ĐHĐCĐ.
3. Xây dựng và trình HĐQT chuẩn y về kế hoạch dài hạn hàng năm, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý của công ty, quy hoạch đào tạo cán bộ và lao động, quy chế trả lương, tiền thưởng, tài chính ... Phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Tổ chức thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).
5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
6. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng.
7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đối với CB-CNV dưới quyền.
8. Ký các Hợp đồng kinh tế theo luật định.
9. Báo cáo trước HĐQT tình hình và kết quả hoạt động SX-KD hàng quý, năm của Công ty.
10. Đại diện của Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT ủy quyền bằng văn bản.

Điều 43: Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám Đốc:

1. Tổng Giám Đốc là người có quyết định cao nhất về mọi hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.
2. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái luật pháp, trái điều lệ và trái nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các kiểm soát viên.
3. Có quyền tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của HĐQT: khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc với người lao động phù hợp với Bộ Luật Lao động.
4. Điều động lao động trong định biên giữa trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc. Trong trường hợp điều động làm tăng định biên ở các đơn vị này phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận bằng văn bản.
5. Được quyết định các biện pháp thuộc thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố . . . và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT bằng văn bản trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi ra quyết định.
6. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ và luật pháp về những sai phạm gây tổn thất cho công ty.

Điều 44: Ủy quyền – Ủy nhiệm:

1. Tổng Giám Đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám Đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám Đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.
4. Các Trưởng Phòng, Ban trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình và phải được Tổng Giám Đốc phê duyệt.

Điều 45: Từ nhiệm và đương nhiệm mất tư cách:

1. Khi Tổng Giám Đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT họp xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám Đốc đương nhiệm mất tư cách trong các trường hợp sau đây:
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân.
 - Tự ý bỏ nhiệm sở.
 - Vi phạm Điều 9 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Tổng Giám Đốc bị mất tư cách, HĐQT phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới.

MỤC 4 : BAN KIỂM SOÁT :

Điều 46: Ban kiểm soát:

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành của công ty.
2. Ban kiểm soát có 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra bằng phương thức bầu dồn phiếu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
3. Các thành viên ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn trưởng ban kiểm soát với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.
4. Sau ĐHĐCĐ thành lập, các thành viên ban kiểm soát bắt đầu tiến hành việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty.

Điều 47: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban kiểm soát:

1. Thành viên ban kiểm soát phải là cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu số cổ phần 0,5% vốn điều lệ trở lên hoặc là người có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của công ty, trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Thành viên ban kiểm soát không được là thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng của Công ty, không thể là vợ, chồng hoặc người thân trực hệ 3 đời của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng của Công ty.

Điều 48: Nhiệm kỳ thành viên ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của thành viên ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
2. Trong nhiệm kỳ nếu thiếu thành viên, thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 49: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên ban kiểm soát:

1. Trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát muốn từ nhiệm thì do Ban Kiểm soát quyết định.
2. Thành viên ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách trong các trường hợp như đối với thành viên HĐQT.
3. Trường hợp khuyết chức danh trưởng ban kiểm soát, các thành viên ban kiểm soát còn lại phải cử người thay thế.
4. Trường hợp khuyết thành viên ban kiểm soát có nghiệp vụ chuyên môn về tài chính kế toán, HĐQT phải tạm cử người thay thế cho đến khi triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

Điều 50: Nhiệm vụ – quyền hạn của các thành viên ban kiểm soát:

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc.
2. Mỗi thành viên ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
 - a)- Kiểm soát các hoạt động SX-KD, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

- b)- Được quyền yêu cầu các phòng, ban, nghiệp vụ của công ty cung cấp tình hình số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của công ty.
 - c)- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra tổng kết năm tài chính.
 - d)- Báo cáo ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong báo cáo tài chính của HĐQT và Tổng Giám Đốc theo ý kiến độc lập của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước luật pháp về trách nhiệm của mình.
 - e)- Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT.
 - f)- Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.
 - g)- Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.
3. Thành viên ban kiểm soát hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ. Chi phí cho ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

CHƯƠNG V

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG

VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 51: Chế độ và quyền lợi của người lao động:

1. Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám Đốc (hoặc người được Tổng Giám Đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của luật pháp.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty.

- Người lao động đang làm việc cho doanh nghiệp Nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang công ty cổ phần sẽ ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

- Khi chuyển sang công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo luật pháp được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.
3. Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính Phủ.

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 52: Hạch toán kế toán:

Kế toán là công cụ quản lý, giám sát chặt chẽ, có hiệu quả mọi hoạt động kinh tế, tài chính, cung cấp thông tin đầy đủ trung thực, kịp thời, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý điều hành Công ty. Công tác tài chính kế toán Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của Luật kế toán ngày 17/06/2003 Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.
3. Cuối mỗi niên khóa HĐQT xem xét thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ.
 - Bảng cân đối kế toán của công ty.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, kiểm soát viên trước 15 ngày của kỳ ĐHĐCĐ thường niên.

4. Sau đại hội, các văn bản, biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty theo luật định.

Điều 53: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ:

Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau:

1. Trích 5% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn Điều lệ.
2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 54: Xử lý kinh doanh thua lỗ:

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHĐCĐ phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII

GIẢI THỂ – THANH LÝ – TRANH TỤNG

Điều 55: Giải thể:

Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- Trường hợp công ty bị lỗ đến 20% vốn điều lệ, mọi cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết việc giải thể công ty.
- Khi có lý do chính đáng HĐQT có quyền đề nghị để ĐHĐCĐ bất thường quyết định giải thể công ty.
- Quyết định đình chỉ hoạt động của cơ quan Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56: Thanh lý:

1. Khi có quyết định giải thể công ty, ĐHĐCĐ lập Hội Đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thành viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.

CHƯƠNG VIII:
QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI
TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Điều 57: Quan hệ giữa Công ty với Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV:

- Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV là đơn vị kinh tế Nhà nước, đại diện quyền sở hữu vốn của Nhà nước tại Công ty.
- Do mối quan hệ đặc biệt này, Công ty CP TM và Địa ốc Bình Chánh là Công ty liên kết với Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV. Công ty tham gia vào hệ thống kinh doanh của Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau và cùng có lợi theo đúng pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG IX
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58: Điều khoản thi hành:

Công ty được chính thức thành lập khi ĐHĐCĐ thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành, đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc Công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.
- Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát và cử Tổng Giám Đốc điều hành.
- ĐHĐCĐ đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ.
- Đã giao quyền quản trị Công ty cho HĐQT.
- Hoàn tất các thủ tục với cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.

Điều 59: Con dấu:

- Công ty được sử dụng con dấu theo quy định của Nhà nước để giao dịch.
- HĐQT giao Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Luật pháp hiện hành và quy chế của Công ty cổ phần Thương mại và địa ốc Bình Chánh.

Điều 60: Đăng ký điều lệ:

Bản điều lệ này gồm 9 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua từng điều, từng chương và chấp thuận toàn bộ vào ngày 01 tháng 08 năm 2007, và được chỉnh sửa bổ sung lần thứ nhất vào ngày 26 tháng 04 năm 2009, chỉnh sửa bổ sung lần thứ hai vào ngày 17 tháng 04 năm 2010, chỉnh sửa bổ sung lần thứ ba vào ngày 23 tháng 04 năm 2011.

Điều lệ được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước TP.HCM.
- 02 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh.
- 02 bản lưu trữ tại văn phòng công ty.

Các bản trích hay bản sao y đều phải có chữ ký của Chủ Tịch Hội đồng Quản trị Công ty mới có giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐỊA ỐC BÌNH CHÁNH
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC HENRI